



Bài báo nghiên cứu

CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG TẬP THƠ RỪNG DẬY MEN MÙA CỦA ĐÔNG TRINH

Nguyễn Thị Tịnh Thy

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tịnh Thy – Email: nguyenthithinhthy@dhsphue.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-7-2022; ngày nhận bài sửa: 03-8-2022; ngày duyệt đăng: 18-8-2022

TÓM TẮT

Tập thơ Rừng dậy men mùa của nhà thơ Đông Trinh, Đối Diện xuất bản năm 1972, là tiếng lòng của một trí thức luôn đau đáu với nước non. Tập thơ là hai nửa của thực tại và viễn mộng, của chiến tranh và hoà bình đầy ám ảnh và xúc cảm. Qua những vần thơ khi mạnh mẽ, dữ dội; khi trầm lắng, hiền hoà, thăm cảnh chiến tranh và mỹ cảnh hoà bình đan quyện vào nhau đã thể hiện tinh thần can đảm cũng như trái tim nhân hậu của người cầm bút. Chiến tranh và hoà bình còn là sự thể hiện tài năng thơ ca của thi sĩ Đông Trinh qua thi pháp thơ giàu ẩn tượng với những hình ảnh và thủ pháp nghệ thuật độc đáo. Bằng phương pháp lịch đại, phương pháp cấu trúc - hệ thống, và phương pháp liên ngành, bài báo này khảo sát những sắc thái của chiến tranh và hoà bình, thái độ của người trí thức trước hiện thực cũng như cách thức biểu hiện những nội dung đó của thơ ca Đông Trinh. Từ đó, khẳng định vị trí quan trọng của nhà thơ trong dòng thơ ca yêu nước, chống chiến tranh trước 1975, về cả tư tưởng chủ đề lẫn thi pháp thơ.

Từ khóa: người trí thức; hoà bình; thi pháp; chiến tranh

1. Mở đầu

Đông Trinh thuộc thế hệ nhà thơ của phong trào đô thị miền Nam. Tập thơ *Rừng dậy men mùa* của ông, *Đối Diện* xuất bản năm 1972, là “tinh tự dân tộc” (Tran, 2019) – tiếng lòng của một trí thức luôn đau đáu với nước non. Ra đời trong những năm tháng chiến tranh và chia cắt, tập thơ là bức tranh hiện thực dữ dội ngập tràn súng đạn, khói lửa, chết chóc và đau thương, mất mát. Đồng thời, những hình ảnh bình yên với khát vọng hoà bình như một giấc mơ lành vẫn luôn hiện hữu bên cạnh cái khốc liệt. Vì thế, tập thơ là hai nửa của thực tại và viễn mộng, của chiến tranh và hoà bình đầy ám ảnh và xúc cảm. Chiến tranh và hoà bình còn là sự thể hiện tài năng thơ ca của thi sĩ Đông Trinh qua thi pháp thơ giàu ẩn tượng với những hình ảnh và thủ pháp nghệ thuật độc đáo. Bằng phương pháp lịch đại, phương pháp cấu trúc - hệ thống và phương pháp liên ngành, bài báo này khảo sát những sắc thái của chiến tranh và hoà bình trong thơ Đông Trinh, thái độ của người trí thức trước cảnh nợ nước tình

Cite this article as: Nguyen Thi Tinh Thy (2022). War and peace in *The forest is full of season* poetry collection by Dong Trinh. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(8), 1271-1284.

nhà cũng như cách thức biểu hiện những sắc thái đó của thơ ca Đông Trình. Từ đó, khẳng định vị trí quan trọng của nhà thơ trong dòng thơ ca của phong trào đô thị miền Nam – dòng thơ tiên phong với quan niệm sáng tác mang tính dân thân như đề từ của tập thơ mà Đông Trình trang trọng ghi vào: “Trong hoàn cảnh cùng khổ chung, những người nông dân còn kiên gan cúi xuống cày cấy trên ruộng đồng bom đạn, chúng tôi vẫn kiên tâm cúi xuống viết lách trên vùng đất văn hoá trở đầy trái độc” (Dong Trinh, 1972, p.5).

2. Nội dung

2.1. Chiến tranh – khúc bi ca phận nước, phận người

Dĩ nhiên, chiến tranh nào mà chẳng có khói lửa, đạn bom, đổ nát và chết chóc. Nhưng chiến tranh trong thơ của Đông Trình được thể hiện bằng những thi ảnh đầy ám ảnh về phận nước, phận người. Đất nước, đối với người Việt, là làng quê. Làng quê trong thơ Đông Trình đã không còn bình yên, rơm rạ khi “súng nổ quanh thôn” và “lúa chết bên xác người” như là đỉnh điểm sự tàn phá của chiến tranh đến cuộc sống hằng thường.

“Người bỏ nhà bỏ vợ tìm đất sống,
Khói lửa vây quanh sự nghiệp một đời.
Người gục ngã bên nhau trong tiếng súng,
Bên lúa vàng hạt máu vẫn còn tươi”

(*Lúa chết bên xác người*)

Lúa chết bên xác người là nhan đề đầy gợi hình về một bức tranh khốc liệt của chiến tranh. Người “bỏ vợ”, “gục ngã”, “vườn ruộng tan hoang, lúa rụng rơi”... Tất cả tạo thành một khung cảnh chết chóc, hủy diệt. Rừng núi cũng vậy, cũng phải chịu đựng sự tàn phá của đạn bom:

“Rừng núi tang thương lá xác xơ cành,
Cây cụt đầu, gốc rễ ngã chênh vênh,
Chim không hót, suối khô trong lòng đá”

(*Ta đi trông rừng*)

Cả một không gian bị tước đoạt sự sống, vạn vật đều bị mất quyền sống, mất bản năng loài. Nhà thơ Đông Trình đã sử dụng những hình ảnh tương hợp liền kề nhau, đầy sức gợi và sự ám ảnh để tái hiện một thế giới điển hình của chiến tranh. Tác giả cũng khéo sử dụng thủ pháp vẽ mây nảy trăng để khái quát sức tàn phá của bom đạn. Cả đoạn thơ không có cảnh đầu rơi máu chảy của con người, nhưng những hình ảnh thiên nhiên đã nói thay tất cả: “rừng núi tan thương”, “lá xác xơ cành”, “cây cụt đầu”, “gốc rễ ngã chênh vênh”, “chim không hót”, “suối khô trong lòng đá”. Mỗi câu thơ chỉ tám chữ nhưng đều có đến hai cụm chủ vị, hai hình ảnh, hình ảnh nào cũng gợi lên sự khô héo, chết chóc. Trong không gian đó, làm sao có thể may mắn tìm thấy chỗ dung thân hay nguồn sống cho con người.

Không chỉ ruộng đồng thôn dã và rừng núi hoang vu phải gánh chịu đạn bom mà ngay ở trong thành phố, cảnh phồn hoa đô hội cũng không còn nữa, bởi vì bàn tay góm ghiếc của chiến tranh đã vươn tới khắp nơi:

“Ngôi nhà đó nằm nghiêng ôm vết đạn,
 Rặng soan tây mềm lá gió ngu ngơ.
 Nét chữ phân ưu ngả màu tái xám,
 Bài vị rung rung bụi khói hương mờ
 ... Chỗ hẹn ngày xưa xanh từng nắm mộ,
 Mắt nhỏ chân cầu lệ đóm lung linh.
 ... Chiều xanh xao như mất máu trong người”

(Trong thành phố cổ tích)

Những câu thơ mang dấu ấn chiến tranh đã lột tả sự mất mát qua từng nét phác thảo từ nhà ra ngõ. Ngôi nhà “ôm vết đạn”, cây cỏ “ngu ngơ”, chỗ hẹn ngày xưa giờ “xanh từng nắm mộ” bởi không gian chiến tranh đã rộng mở đến những nơi chốn bình yên nhất, đáng được che chở nhất. “Thành phố cổ tích” nay mang đầy thương tích và không còn là nơi trú ẩn của con người. “Thành phố cổ tích” trong thơ Đông Trình hoang vắng và mất mát như một phế tích. Không gian ngập tràn nỗi đau thương và li biệt với những hình ảnh vắng lặng, “rung rung” và “lung linh” của hương khói buồn đau.

Bên cạnh khúc bi ca về thân phận đất nước với vô số vết hằn bom đạn từ ruộng đồng, rừng núi cho đến thị thành, thơ của Đông Trình còn là tiếng than thảm thiết, bi ai của những người dân phải sống và chết trong cảnh li loạn. Họ có thể là người chiến sĩ đang xả thân vì hoà bình cho đất nước và bị trừng phạt, có thể là đứa bé mồ côi, là người mẹ mất con, người vợ mất chồng.

Trong nhà tù, trong nhà ngục là bài thơ thể hiện dũng khí của Đông Trình khi ông can đảm phơi bày tội ác của nhà cầm quyền đối với người chống đối. Như một ống kính điện ảnh với góc quay đa chiều, bài thơ hướng đến hai không gian đối lập nhau: nhà tù – nhà ngục. Nhà tù là không gian của tra tấn và máu me đầy thảm khốc như thời trung cổ. Những hình thức tra tấn dã man nhất đã dội xuống người chiến sĩ:

“Tôi biết chiều nay trong nhà ngục tối,
 Anh bị trói tay, mặt úp vào tường.
 Cú đấm quân thù từ sau bữa tối,
 Máu thấm từng dòng trên tóc trên lưng.
 ... Thân thể anh chẳng còn nguyên vẹn,
 Thịt đã lóc dần trên cách khớp xương”.

(Trong nhà tù, trong nhà ngục)

Tù nhân bị “bọn đánh thuê thay phiên tra tấn” trong nhà ngục tăm tối. Đòn roi tàn bạo của chốn lao tù giáng xuống cơ thể anh, và anh kiên gan chịu đựng. Nhà ngục chỉ có sự hành hạ, trừng phạt tàn nhẫn và sự bất khuất kiên cường mà không có tiếng rên la. Nỗi đau đớn được đặt trong một không gian khác. Đó là nhà ngục – thánh đường của tôn giáo và tình mẹ:

“Có bà mẹ nào chiều nay trong nhà ngục,
 Thầm gọi tên anh, mắt lệ tuôn trào:
 “Mùa khô hạnh của con Ngài đã đến,

Xin giúp người uống cạn chén thương đau”.

(Trong nhà tù, trong nhà ngục)

Nỗi đau thể xác của người con đã chuyển sang nỗi đau tinh thần của người mẹ. Sự chuyển đổi không gian kéo theo chuyển đổi cảm giác. Cả bài thơ có bảy khổ, sáu khổ đầu tập trung vào hình ảnh người chiến sĩ trong chốn lao lung, nhưng rốt cuộc, lại kết thúc bằng khổ cuối cùng với hình ảnh người mẹ quỳ trong thánh đường với nỗi đau chôn giấu và mắt lệ tuôn trào. Sáu khổ đầu tạo cho người đọc cảm giác đau đớn về thể xác của người tù, khổ cuối cùng là cảm giác nỗi đau đớn tột cùng trong trái tim người mẹ. Nhà lí luận I. A. Richards từng cho rằng: “Mặt cảm giác của hình ảnh bao giờ cũng có rất nhiều ý nghĩa. Cái mang lại sức mạnh cho hình ảnh không chỉ là tính sinh động của nó như một hình ảnh, mà còn là khả năng của nó trở thành một sự vật nhận thức. Một khả năng có một mối liên hệ đặc biệt với sự cảm thụ cảm giác” (Wellek & Warren, 2009, p.334). Từ cảm giác đối với người tù và người mẹ, ta hiểu nhiều hơn bi kịch của chiến tranh. Bài thơ *Trong nhà tù, trong nhà ngục* còn có diệu pháp của cách kết thúc bất ngờ. Bất ngờ để mở ra một ý nghĩa mới, một góc nhìn khác về chiến tranh. Đó là chiến tranh nhìn từ người nữ với những người mẹ, người vợ, người em oằn vai gánh lấy những nỗi khổ đau. Ta có thể bắt gặp kiểu hình tượng này trong rất nhiều bài thơ khác của Đông Trinh, mà tiêu biểu là *Mẹ giữa phố người*.

Bài thơ *Mẹ giữa phố người* được viết theo thể lục bát với giọng điệu kể lể ai oán đã thể hiện đến tột cùng nỗi đau đớn điên dại của người mẹ mất con trong chiến tranh:

“Ôi con mẹ khổ trăm chiều,/ Trong con đau, tưởng đã xiêu ngã lòng./ Vai mang, lưng công, tay bồng,/ Đưa xanh tàu lá, đưa hồng máu tươi./ Chết đi, chết đứng, chết ngồi,/ Trên nương dưới ruộng ôi thôi là người./ Dưới làn mưa đạn bom rơi,/ Mẹ ngồi mẹ khóc, mẹ bươi huyết hồng./ Áo mẹ bọc đứa đầu lòng,/ Khăn mẹ gói đứa ôm trong tay chờ./ Đứa còn nóng, đứa cứng đờ,/ Đứa đành đập giã, đứa lơ lảo nhìn.

... Có người hỏi con mẹ đâu?

... Con tao bốn đứa ra đi chưa về.

... Con tao? Hả? Con tao đâu?

Sao con bỏ mẹ cơ cầu mần ri?”

(Mẹ giữa phố người)

Qua lời kể của người mẹ, nhà thơ Đông Trinh đã đặc tả sự mất mát và tuyệt vọng của bà khi không cứu nổi những đứa con thơ dại của mình. Từng động tác, từng lời nói vừa đối thoại vừa độc thoại đi kèm với các từ láy diễn tả nỗi oan ức của người chết và nỗi cuồng dại của người sống như cắt cứa tâm can người đọc. Rất nhiều điệp từ được sử dụng trong bài thơ như nỗi đau cứ tới tấp, dồn dập giáng xuống cuộc đời người mẹ. “Mẹ”, “con”, “con tao”, “đứa”, “chết” được nhắc đi nhắc lại cùng với điểm nhìn trần thuật chuyển đổi liên tục từ bên ngoài vào bên trong qua thứ ngôn ngữ trần thuật vừa kể vừa tả rất linh hoạt. Các kiểu “lời trần thuật” (Tran, 2004, p.86) đan cài nhau khiến hình ảnh thơ trở nên sống động, sức tố cáo tội ác của chiến tranh vì thế mà cũng sắc bén hơn, gai góc hơn.

Ta cũng bắt gặp cặp hình ảnh mẹ – con trong một bài thơ rất buồn có nhan đề nhẹ nhàng mà triết lí: *Một lần là trăm năm*. Bài thơ là lời tâm sự của những người con trai - những người lính miền Nam về thân phận của mình. Mỗi người một hoàn cảnh, một thực trạng xác thân và tâm hồn toi tả khác nhau đang cất lên lời ai oán xé lòng: “Thưa mẹ, thưa mẹ con đã về nhà,/ Ngồi trên xe lăn từng vòng xót xa./ Thưa mẹ, thưa mẹ con đã về gần,/ Dù chẳng còn đôi chân./

Giữa phố người chiều nay người qua đây,/ Nằm trên băng ca vải bọc rất dày./ Có tiếng ai reo như là khóc,/ Máu còn hồng chưa phai./... Thưa mẹ, thưa mẹ con đã về gần,/ Dù chẳng còn xác thân./ Giữa phố người chiều nay người đi qua,/ Đi rất lâu mà chẳng thấy quê nhà,/ Người đi rất lâu mà không thể tới,/ Vì người là bóng ma./ Thưa mẹ, thưa mẹ con đã về thăm,/ Xin giữa quê hương một chỗ yên nằm./ Xin một bóng cây trên phần mộ,/ Một lần là trăm năm.”

(*Một lần là trăm năm*)

Con đã về, nhưng không phải trong khúc khải hoàn và niềm vui sum họp, mà trở về trong thương tật, chét chóc, chán nản và tuyệt vọng. Kết cấu trùng chương điệp cú như tương hợp với tâm trạng cùng quần của cả một lớp người đang gánh chịu những chấn thương thể xác và tinh thần. Không khí thơ toát lên màu tang tóc, giọng điệu thảm thì chất chứa những cay đắng, xót xa: “con đã về”, về gần, về nhà, về thăm... Nhưng con về trong tình cảnh nào? Con ngồi trên xe lăn, con chẳng còn đôi chân, con không còn nguyên vẹn. Mẹ mừng hay lo, vui hay buồn, mãn nguyện hay thất vọng? Một người con khác cũng trở về nhà nhưng không phải “ngồi trên xe lăn”, mà “nằm trên băng ca vải bọc rất dày”, dù đã “về gần”, rất gần nhưng “chẳng còn xác thân”. Đó là lần trở về duy nhất, cuối cùng và vĩnh viễn. Anh trở về “một lần là trăm năm”, bởi vì về để “xin giữa quê hương một chỗ yên nằm”. Từ đây, anh không còn lo súng nổ chát chúa, không còn sợ hành quân vất vả, bởi vì anh đã được trở về nhà. Có lẽ không có chuyến trở về nào đau lòng hơn thế, không lời cầu xin, lời từ biệt nào bi đát hơn thế. Nhưng dẫu sao, người trở về bằng thân xác vẫn còn may mắn hơn người mất cả xác thân, trở thành một hồn ma lang thang vô định, không chốn nương náu linh hồn: “Đi rất lâu mà chẳng thấy quê nhà,/ Người đi rất lâu mà không thể tới,/ Vì người là bóng ma”. Nhịp điệu thơ rất chậm, giọng điệu bi ai và hình ảnh nhạt nhòa như đẩy đến tận cùng nỗi mất mát và tang thương do chiến tranh gây nên. Đọc những câu thơ này, có cảm giác thật giống nhà phê bình Nguyễn Tấn Long đã từng cảm nhận trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến*: “Ta cảm thấy dường như thi nhân không còn là nhà sáng tạo thi ca. Mà chỉ là một thể xác giao cảm với linh hồn ở cõi hư vô, rồi ghi lại từng lời than khóc, rên rỉ của những cô hồn hoài vọng một thời xưa” (Nguyen, 1972, p.468). Lời than khóc, rên rỉ ấy với tỉ lệ từ ngữ mang thanh bằng nhiều hơn thanh trắc tạo nên nhạc tính rất buồn cho bài thơ, và có lẽ vì thế mà nhạc sĩ Tôn Thất Lan đã phổ nhạc bài thơ này với âm điệu chậm buồn da diết. Dĩ nhiên, “cái làm nên hồn của nhạc điệu là sự liên tưởng của tổ chức âm thanh với cảm giác âm nhạc (nhạc cảm) trong lòng người. Sự liên tưởng này không phải bao giờ cũng cụ thể, trực tiếp, nhưng bao giờ cũng có một mối liên hệ giữa âm hưởng, nhịp điệu với tâm hồn” (Le, Tran & Nguyen, 2007, p.225).

Chiến tranh trong *Rừng dậy men mùa* được thể hiện từ góc nhìn tỉnh thức của người trí thức trước thời cuộc. Đó là khúc bi ca về phận nước, phận người trong những ngày tháng trước năm 1975 của miền Nam. Hiểu được những bất hạnh mà mảnh đất và con người trên quê hương này phải gánh chịu, hiểu được lòng mong mỏi được sống trong bình yên của những người mẹ, người em, người thầy, người lính, nhà thơ Đông Trình đã nói lên khát vọng đó của họ qua nhiều bài thơ với đề tài hoà bình.

2.2. *Hoà bình – giấc mơ có thực và tính dự báo của văn chương*

Khi “vườn ruộng tan hoang, lúa rụng rơi”, “người gục ngã lên nhau, trong tiếng súng”; khi những người mẹ đang phát điên vì nỗi đau mất con, những người thầy phải kể những câu chuyện cổ tích “cho các em quên tiếng súng nổ gần”; khi chung quanh vẫn bốn bề tử khí, thì nhà thơ Đông Trình đã mơ về một tương lai có hai chữ “hoà bình”. Giấc mơ hoà bình khiến cho độc giả của *Rừng dậy men mùa* được cân bằng cảm xúc, đưa họ bước ra khỏi thực tại máu me, chết chóc và đổ nát của chiến tranh để tìm thấy niềm hân hoan trong “hội trùng tu”: “Tôi muốn đêm nay đánh thức mẹ dậy,/ Thổi hơi vào cho một trái tim khô./ Chỉ ngày Trùng - tu trước tầm mắt thấy,/ Dù khóc từ lâu, mắt lệ, hoen mờ./ Tôi muốn đêm nay vào thức em gái,/ Rũ những hạt buồn trên khung ảnh tàn phai./ Tuổi thơ em đã nằm yên trong cát bụi,/ Nhưng hồn thiêng xin che chở núi sông này.

Bạn bè ở đâu, có nghe ta nói?
Xin trở về họp mặt đón tin vui.
Vì ngày Trùng - tu đã lên tiếng gọi,
Thấp sáng thơ, ta báo hiệu cho đời”

(*Hội trùng tu*)

Trùng tu nghĩa là “dựng lại nhà, dựng lại người” như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng mơ ước, là trùng phùng, “gặp nhau trong nhân tình đầy bác ái” như nhạc sĩ Phạm Duy từng da diết mong chờ trong bài hát *Tìm nhau*. Nhà thơ Đông Trình tổ chức một lễ hội trùng tu trong thơ để “thổi hơi vào cho một trái tim khô” của mẹ, “rũ những hạt buồn trên khung ảnh tàn phai” của em gái từ lâu đã nằm yên trong cát bụi và mời gọi bạn bè tứ tán khắp nơi “trở về họp mặt đón tin vui”.

Trong bài thơ *Đời không bằng mộng* của *Rừng dậy men mùa*, hoà bình còn là sự trở về nguyên vẹn và đầy đủ của những người từng xếp bút nghiêng đi vào rừng thẳm: “Mừng hội lớn anh em còn đủ mặt,/ Thân thể vẹn toàn, ngày mới hồi sinh./ Những người đi xa tưởng đâu đã mất,/ Trong mạch hồng nay máu bỗng long lanh.

Vòng tay lớn ta nối qua rừng núi,
Nhịp chân xa động vỡ cả non ngàn.
Lời reo vui tưởng nở tung bùng phổi,
Hát lên anh cho thù hận tan hoang.”

(*Đời không bằng mộng*)

Ở đây, Đông Trình cũng sử dụng liên văn bản *Nói vòng tay lớn* với nhiều từ ngữ có trong bài hát này của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. “Vòng tay lớn” đó vang lên trong tiếng hát,

nổi qua rừng núi, qua những bước chân gian lao, qua những lời reo vui của ngày hoà bình. Bài thơ như là một tiên đoán về tương lai gần của đất nước, bởi vì Đông Trình viết về dự cảm này vào tháng sáu năm 1969, và chỉ mấy năm sau, không khí của ngày 30 tháng 4 năm 1975 cũng náo nức như vậy.

Người về vui hội lớn, “hội trùng tu” trong “ngày mới hồi sinh” để cùng nhau làm lại từ đầu, đứng lên từ đổ nát, bỏ lại sau lưng những kỉ niệm đau buồn của chiến tranh. Quê hương từ nay sẽ tươi đẹp. Từng hình ảnh bình dị đến nao lòng như một bức tranh quê hiện ra, mang theo niềm hạnh phúc đời thường từ khát vọng lớn lao của nhà thơ: “Thế nào ở đó cũng rực rỡ một dòng sông,/ Phải không em?/ Dòng sông tươi cười choàng vai đồng lúa,/ Dòng sông nước cạn mở lòng bao dung,/ Cho những đứa bé mục đồng,/ Cởi quần lội qua theo trâu về xóm...”

Thế nào ở đó cũng có những câu hò,
Phải không em?
Câu hò trên nương cho bắp lớn trái,
Câu hò dưới ruộng cho lúa tốt đồng.
Lời mật em uơm ngọt đường thân mía,
Ca dao mẹ hát thơm bột sắn khoai.”

(Vô cùng linh thiêng như nghe theo tiếng gọi)

Vẫn là những thi tứ, thi ảnh quen thuộc về làng quê của thơ ca Việt Nam, nhưng Đông Trình đã khiến ta xúc động bởi giọng điệu tâm tình đầy ngọt ngào và câu hỏi tu từ nhẹ nhàng mà tha thiết. Nhà thơ cũng thể hiện sự sáng tạo khi sử dụng biện pháp nhân hoá độc đáo: “Dòng sông tươi cười choàng vai đồng lúa”. Nhân hoá đã khiến khung cảnh thanh bình càng trở nên yên ả, nên thơ và sống động hơn. Những đứa trẻ cởi quần lội qua sông, theo trâu về xóm gọi nhớ đến cảnh chiều quê của *Thiên Trường vãn vọng* trong thơ của thiền sư Trần Nhân Tông thuở xa xưa như một liên văn bản về văn hoá nông thôn Việt Nam đã từng khắc sâu trong tâm thức bao người. Đông Trình gọi khung cảnh thanh bình ấy bằng một phép nhân hoá đầy sáng tạo, lạ lẫm hơn, giàu tính hình tượng hơn: “cho quê hương một phút duỗi thân mình” (*Hôm nay ngày mai*). Và bây giờ, tất cả sẽ đổi thay: “Bây giờ có cha trong ngôi nhà sập,/ Đứng giữa tro than dựng lại cột kèo./ Mẹ ngút mắt nhìn nương khoai rẫy bắp,/ Đầu ngọn tre làng gió cũng hòa theo...”

Bây giờ có tôi trong ngôi trường cũ,
Viên phấn trong tay kẻ đặm đề bài.
Chẳng cần gọi tên từng người trong sổ,
Lớp học từ nay không vắng một ai.”

(Bây giờ)

Không còn lo những tai ương rập rình từ thôn xóm đến từng lớp học, không còn lo những bé thơ bị cướp đi sinh mệnh. Lớp học không vắng một ai trở thành mơ ước lớn bởi vì trong chiến tranh, điều vốn bình thường trở thành bất thường. Vì thế, sự bình thường hôm

nay khiến hạnh phúc của người thầy thật bình dị mà quá ư xúc động, tín hiệu hoà bình dường như càng bình thường nhỏ nhoi thì càng làm người đọc xúc động nhiều hơn.

Từ niềm hạnh phúc chung của làng quê mượt mà câu hò và khúc dân ca trên nương ngô ruộng lúa và những vòng tay mở rộng của mọi người, đôi lứa yêu nhau cũng dệt giấc mơ tổ ấm của riêng mình:

“Và căn nhà của chúng ta nay mai
Cát lên miền nào lòng em đã ước?
Và con cái chúng ta nay mai
Nói ru móc đâu tình em sẽ buộc?”

(Vô cùng linh thiêng như nghe theo tiếng gọi)

Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung thường tạo nên được chất truyền thần cho cảnh và người nhờ những tiêu tiết được đặt đúng chỗ. Đoạn thơ trên của Đông Trình cũng vậy. Việc bàn bạc cái nói ru con sẽ móc ở đâu trong ngôi nhà hạnh phúc đã khiến cho tình cảm của người thơ càng được xác tín sự chân thành. Cái móc nói bình thường đã trở nên “vô cùng linh thiêng” như nhan đề của bài thơ, bởi vì nó đã là linh hồn của ngôi nhà. Cái móc nói ấy cũng là điểm sáng nghệ thuật mà Đông Trình gieo vào bài thơ, khiến hoà bình từ một khái niệm lớn lao, xa xôi đã trở nên nhỏ bé, gần gũi mà lại chân thật vô cùng.

Hoà bình còn gắn với hình ảnh của những người phụ nữ giữa đời thường đầy gần gũi, dung dị nhưng rất đỗi thanh cao. Họ là biểu tượng của bình yên và hạnh phúc. Từ tình yêu của họ, cuộc sống sẽ hồi sinh: “Trước bảng lớp em đứng hiền như mẹ./ Hai cánh tay ngoan rất đỗi vỗ về./ Trên mái ngói chuyền tình đôi chim sẻ./ Giữa tiếng giảng bài bỗng lắng tai nghe.

Như xa lắm một thời bom đạn phá,
Cây ta ươm sẽ mọc lại cho rừng.
Mặt trời vươn vai trên từng đọt lá,
Bóng tối chết rồi, trong ngăn kéo mùa đông.”

(Tình đầy trong thanh tâm)

Cô giáo trên bục giảng trông “hiền như mẹ”. Vẻ dịu hiền đó có thể làm lắng dịu cả thế gian, nó khiến đôi chim sẻ đang chuyền tình trên mái ngói cũng dừng lại lắng tai nghe tiếng giảng bài. Tứ thơ thật đẹp đẽ, bình yên đến không thể bình yên hơn, nhẹ nhàng đến không thể nhẹ nhàng hơn. Nhà thơ Đông Trình luôn biết chọn những hình ảnh thơ độc đáo, rất gần gũi quen thuộc với thế giới đời thường, nhưng lại đậm chất nghệ thuật nhờ sự phát hiện tinh tế của đôi mắt nghệ sĩ. Đồng thời, việc sử dụng thủ pháp nhân hoá đầy sáng tạo cũng khiến cho những câu thơ diễn tả hạnh phúc hoà bình càng giàu sức gợi: “mặt trời vươn vai trên từng đọt lá./ bóng tối chết rồi, trong ngăn kéo mùa đông”. Một chân trời mới đang vẫy gọi con người đi về phía ánh sáng và ấm áp; vĩnh viễn già biệt bóng tối và những lạnh lẽo, mát mát của ngày qua.

Điểm đáng chú ý trong thơ viết về đề tài hoà bình của Đông Trình là thời gian luôn ở thì tương lai. Trước thực tại tăm tối, Đông Trình vẫn không hề bi quan. Ông luôn nhắc đến tương lai và dùng những từ ngữ đồng nghĩa để đặt tên cho nhiều bài thơ, câu thơ: “rất gần trong tương lai”, “một thành phố cho tương lai”, “ngày mai”, “bấy giờ”... Tương lai trong thơ của Đông Trình có tính dự báo rất mạnh, bởi vì những gì ông vẽ ra trong bức tranh thơ có đề tài hoà bình đều trở thành hiện thực – một hiện thực sống động mà lịch sử đã chứng thực. Ở nông thôn là “đấu bom đạn mờ dần trên luống cỏ./ Đàn bò say bóng mát dưới chân đồi./ Lũ mục đồng nằm vắt chân chữ ngũ./ Chiều lên cao theo giọng hát hò ơi.../ Mắt mẹ già xanh như thời con gái./ Hoa cỏ trong vườn ngọt tuổi hồi xuân./ Sau con trâu cày lòng cha trẻ lại./ Đất mở tình ra cho hạt giống đến gần” (*Rất gần trong tương lai*). Ở thành phố cũng nao nức với cuộc sống mới:

“Ngã tư này là công trường hội ngộ,
 Người đổ về như nước lũ tìm sông.
 Cuộc xéng trên tay, anh lấp hầm hố,
 Chị tìm tên mình trên bảng phân công.”

(*Một thành phố cho tương lai*)

Những mầm hồi sinh cựa mình thức dậy, hoặc êm đềm hoặc rộn rã khác nhau nhưng đã cùng nhau dệt nên khúc hoà ca của “tiếng đời lăn náo nức”.

Đông Trình như là nhà kiến tạo tương lai khi tạo nên trong thơ một bức tranh cuộc sống đa sắc màu và đầy sống động. Ông khiến người đọc có thể nhìn thấy, cảm thấy, nghe thấy một tương lai “nhìn rõ mặt”, tạo cho họ một niềm tin sẽ có ánh sáng cuối đường hầm.

Các nhà lí luận khẳng định ngoài các chức năng giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, văn chương còn có chức năng dự báo. Bằng những linh cảm, mẫn cảm của người nghệ sĩ, nhà văn có thể trình bày những dự cảm, dự báo về số phận cá nhân và lịch sử. Dự cảm đó không đơn thuần là suy tưởng duy ý chí của nhà văn, mà phải là kết tinh của trí tuệ, niềm tin và tầm nhìn của họ về cái sắp diễn ra đủ sức thuyết phục người đọc. Bởi vì, nói như Montgomery Belgion: “Mỗi nhà văn có một quan điểm sống nhất định, một cách giải thích cuộc sống nhất định... Ý nghĩa của tác phẩm luôn luôn nằm ở chỗ làm sao thuyết phục được độc giả đồng tình với cách giải thích như vậy... Văn học luôn bắt độc giả tin vào một điều gì đó, nhưng việc này được thực hiện tương tự như tác động của thôi miên – bởi độc giả bị nghệ thuật miêu tả cuộc sống lôi cuốn chứ không phải bị sự tuyên truyền” (Wellek & Warren, 2009, p.56).

Dự cảm của Đông Trình về ngày hoà bình trong *Rừng dậy men mùa* là một sự khẳng định vai trò của văn chương với cuộc sống, giá trị của nghệ thuật vị nhân sinh. Tuy nhiên, để có thể công khai thể hiện dự cảm văn chương lên trang viết trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam thời bấy giờ, nhà thơ phải có dũng khí dấn thân, dũng khí bày tỏ thái độ của người trí thức trước thời cuộc. Vì vậy, thái độ của người trí thức là điểm đáng lưu ý của tập thơ *Rừng dậy men mùa*.

2.3. Chiến tranh, hòa bình và thái độ của người trí thức

“Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là tình cảm và lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường” (Le, Tran & Nguyen, 2007, p.310). *Rừng dấy men mùa* ra đời trong những năm phong trào đô thị miền Nam chống Mỹ, chống chiến tranh nổ ra khắp nơi. Rất nhiều thanh niên trí thức thời bấy giờ tham gia đấu tranh bằng rất nhiều hình thức: xuống đường biểu tình chống chính quyền tay sai và thực dân, thoát li theo cách mạng, hoặc che chở những người mang chí lập biển vá trời. Kết hợp với các hình thức biểu tình là những hoạt động văn hóa nghệ thuật. Bửu Chỉ vẽ tranh cổ động; Nguyễn Xuân Tân, Tôn Thất Lập, Miên Đức Thắng sáng tác nhạc “hát cho đồng bào tôi nghe”; Ngô Kha, Trần Quang Long, Đông Trình và nhiều người khác làm thơ.

Thơ của Đông Trình là nỗi lòng và thái độ của người thanh niên trí thức trước thực tại đau thương của đất nước. Đứng về phía những người nghèo khổ, đồng cảm với họ, Đông Trình đã bằng “sự thật văn học” (La Nguyen, 2018, p.73) để thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc trong tác phẩm của mình: “Anh, rác rưởi và học trò./ Cúi đầu nhìn nhau nghe đời thối rữa./... Xót xa vô cùng thân anh nhà giáo,/ Sơn quét đời mình như tấm bảng đen.

... Làm thế nào để nói với em
 Về thành phố anh đang sống?
 Chiến tranh, rác rưởi và mộ người
 Hàng ngày chen lấn nhau chiếm từng khoảng đất.
 Làm thế nào nói với em về những đứa học trò
 Ban ngày đến trường, ban đêm rước khách,
 Gặp thầy ở mỗi ngã ba,
 Chiếc áo nữ sinh không che sự thật.”

(*Vô cùng linh thiêng như nghe theo tiếng gọi*)

Bằng những câu thơ tả thực theo thể tự do như buông trút những uất ức, nhà thơ đã phơi bày một thế giới tăm tối và rác rưởi mà thế hệ ông đã phải tồn tại. Những con người dưới đáy xã hội đang “sống mòn” trong địa ngục giữa trần gian. Nhà thơ hai lần dùng từ “rác rưởi” trong một đoạn thơ, bên cạnh những con người nhỏ nhoi tội nghiệp. Cảm giác như chủ thể của thành phố này – nơi nhà thơ đang sống, là rác rưởi và mộ người chứ không phải con người. Con người đang bị rác rưởi và mồ mả vây bủa, họ “chen lấn nhau chiếm từng khoảng đất” như kiếm một chỗ dung thân nhỏ nhoi trong cuộc sống bất an này. Trong không gian nhầy nhụa và bức bối đó, có “những đứa học trò ban ngày đến trường, ban đêm “rước khách” khiến cho lòng thầy giáo chua xót, bẽ bàng.

Biết bao lần, nhà thơ đứng gần hơn với những người khốn khổ, gần hơn với “những đứa trẻ bụng ỏng thân gầy,/ mắt nhìn ngu ngơ một quê hương cháy (*Về một ngôi trường ở Quảng Phước*); đứng gần hơn với những người chịu nhiều mất mát bởi chiến tranh:

“Chiều hôm nay tôi một mình xuống phố,
Đau đớn nhìn em đứng khóc bên đường.
Lá bông xôm xao trong từng cánh gió,
Trong mắt em buồn giọt tủi còn vương.”

(Lúa chết bên xác người)

Nhìn vào nước mắt và buồn tủi cũng như rác rưởi trong “đời thối rữa” nghĩa là nhà thơ đã tự trấn trở về trách nhiệm của người trí thức trong việc đưa người dân thoát ra cảnh khổ đau tăm tối này.

Để vực dậy những tâm hồn đau khổ, nhà thơ Đông Trình khơi lại trong lòng họ niềm tự hào về lịch sử nước nhà như một cách tiếp thêm nghị lực cho họ đứng lên tự giải phóng cho quê hương, cho gia tộc và cho chính bản thân mình:

“Lịch sử ta bốn ngàn năm sáng chói,
Lê Lợi, Quang Trung bắt khuất kiêu hùng”.

(Lúa chết bên xác người)

Gợi lại lịch sử bốn ngàn năm chói sáng, gợi lại những tấm gương bắt khuất kiêu hùng đã từng chiến thắng kẻ ngoại xâm bạo tàn nhất thời đại, thơ của Đông Trình như lời hiệu triệu, thức tỉnh và động viên người dân noi gương cha ông để vượt thoát ra khỏi cảnh “đời thối rữa”. Ông luôn cho họ nhìn thấy sự tái sinh đằng sau đổ nát, hoang tàn:

“Tôi đã thấy qua những dòng nước mắt,
Hạt giống nứt mầm trở mộng nhú lên,
Tôi đã thấy trên hoang tàn đổ nát,
Hàng cây xanh lá rụng trút ưu phiền.”

(Lúa chết bên xác người)

Gieo mầm hi vọng cho quần chúng lao khổ là một tố chất thể hiện trí tuệ và trách nhiệm dẫn đường của trí thức. Trước thực tại đầy đờn đau và đáng căm thù của cảnh “lúa chết bên xác người”, nhà thơ đã vực người nông dân gượng dậy, trao cho họ niềm hi vọng về ngày mai tươi sáng hơn.

Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở sự động viên, khích lệ, người trí thức còn phải có hành động dấn thân để mang lại hòa bình cho dân tộc: “Bạn bè ta những thằng nuôi chí lớn./ Luyện văn chương thành một lưỡi gươm thần./ Đứng với ngu phu làm người hảo hớn./ Sống giữa đời hèn mà rất triết nhân...”

Tuổi thanh xuân ta hề chất ngát cao vọng,
Thở dài hơi trong một quả tim hồng.
Tuổi thanh xuân ta hề căng như mặt trống,
Như mũi tên chờ trên cánh cung.”

(Hành ca cho một tương lai đã nhìn rõ mặt)

“Nuôi chí lớn” bằng rất nhiều cách, thế hệ thanh niên thời của Đông Trình đã không hổ danh là con cháu của “Lê Lợi, Quang Trung bắt khuất kiêu hùng”. Đoạn thơ trên đã tái

hiện được không khí của những đêm không ngủ, “dậy mà đi”, những đêm hát cho đồng bào tôi nghe của bao sinh viên yêu nước. Tất cả đều căng tràn nhiệt huyết chống ngoại xâm, xuống đường bằng thơ, bằng âm nhạc và tranh cổ động. Họ trưởng thành không chỉ nhờ sách vở, chữ nghĩa của nhà trường, mà còn bằng lí tưởng *American go home* sục sôi làm nóng ran các sân trường đại học và đường phố lúc bấy giờ.

“Bức tường biểu ngữ sắc nét đầu tranh,
Viên gạch phủ rêu xanh chiều đại nội.
Ở đó anh đã lớn lên giữa bạn bè,
Có thằng một đời làm thân một sách,
Có đứa kiêu hùng tay nắm đũa cao.

Ở đó anh đã chông chênh như đi thuyền trong những ngày biển động
Ở đó anh đã đứng lên và ngã xuống,
Rực rỡ như mặt trời và u ám như bóng đêm.
Ôi phong phú biết bao nhiêu những ngày anh đã sống...
Ở đó anh đã tiếp sức người sống và vượt mắt kẻ chết...”

(*Vô cùng linh thiêng như nghe theo tiếng gọi*)

Tuổi hai mươi của những người trí thức trong thơ Đông Trình quá đẹp. Họ đã sống và chết rất đáng tự hào. Đó là sự lựa chọn của người biết “nhận thức thời đại” (La Nguyen, 2018, p.75) và dám hi sinh vì nghĩa lớn. Bài học xuống đường tranh đấu cho tự do dạy họ làm người đúng nghĩa, không làm con giun con dế chấp nhận thân phận nô lệ để được yên thân. Bài học trường đời, bài học trong tranh đấu có được là nhờ “học phí trả bằng máu”. Và, máu của người trí thức chính là tuyên ngôn sống bất khuất của họ. Thái độ của người trí thức trong chiến tranh là dấn thân – phương cách duy nhất để mang lại hòa bình. Bên cạnh họ là anh em, đồng chí; sau lưng họ là lịch sử, tiền nhân. Hạo khí của giống nòi như tiếp thêm sức mạnh và niềm tin để họ có thể viết tiếp những trang sử xanh của dân tộc:

“Tiếng ta cao hê không ai theo tới,
Lời ta sâu như lịch sử giống nòi.
Ta bước đi hê ra ngoài bóng tối,
Trên cây đời, ta uơm nụ tương lai.

Trong bước chân người tiếp truyền lịch sử
Cổ nhân qua rồi mà hạo khí còn nguyên.”

(*Hạo khí ca*)

Thơ ca Việt Nam những thập niên giữa thế kỉ XX từng nói lên tâm trạng phân vân “bâng khuâng đứng giữa đôi dòng nước, chọn một dòng hay để nước trôi” (*Dậy lên thanh niên* – Tố Hữu) của thế hệ thanh niên thời bấy giờ. Ở *Rừng dậy men mùa*, Đông Trình và những người trí thức trong thơ của ông đã không còn phân vân nữa. Họ chọn con đường

“tiếp sức người sống và vượt mắt kẻ chết”, họ chọn “nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương” (*Tự nguyện* – Trương Quốc Khánh) và kiên định với lựa chọn của mình, dù phải đối mặt với gian khó, hiểm nguy:

“Ta sống đời chưa một lần trở mặt,
Bằng hữu xa gần mở rộng hai tay.
Ta như trời mở rộng lòng với đất,
Trước âm mưu ta cất tiếng cả cười.”

(*Hành ca cho một tương lai đã nhìn rõ mặt*)

Đặt trong bối cảnh lịch sử của những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) mới có thể thấy được giá trị “chưa một lần trở mặt” và “cất tiếng cả cười” trước bao âm mưu khiến người trí thức có thể thoả hiệp hoặc đầu hàng. Vì thế, đoạn thơ trên là tuyên ngôn sống, tuyên ngôn tranh đấu của Đông Trình và những trí thức tiến bộ thuộc thế hệ ông về cả hai mặt ý nghĩa “hiển ngôn” và “hàm ngôn” ở trong thơ. Đặc biệt. “Lớp nghĩa hàm ngôn ở văn bản ngầm giúp người sáng tác vượt qua mọi hàng rào kiểm duyệt của quốc gia, của các đảng phái chính trị, các tổ chức tôn giáo, các loại giáo lí, húy kỵ, của các thành kiến, định kiến, và cả những hủ tục, mê tín, dị đoan... Để nói với người đọc những điều không thể nói bên ngoài sáng tác văn học” (La Nguyen, 2018, p.70). Và, việc phát hành tập thơ *Rừng dậy men mùa* với 27 bài thơ trình bày cảm thức của mình về hai vấn đề lớn của thời đại: chiến tranh và hòa bình vào tháng 9 năm 1972 là một cách khẳng định lương tâm và trách nhiệm của cá nhân, của thế hệ rất đáng trân trọng của nhà thơ.

3. Kết luận

Tập thơ *Rừng dậy men mùa* do Đối Diện xuất bản. Ngay tên của nhà xuất bản cũng đủ để nói lên nội dung của tập thơ, bởi vì Đối Diện luôn thể hiện tư thế đối diện với chính quyền miền Nam thời bấy giờ, cất lên tiếng nói phản biện xã hội rất sắc bén. *Rừng dậy men mùa* cũng là một cách mà nhà thơ Đông Trình đối diện với hiện thực. Qua những vần thơ khi mạnh mẽ, dữ dội; khi đằm thắm, hiền hoà, thăm cảnh chiến tranh và mỹ cảnh hoà bình đan quện vào nhau đã thể hiện tinh thần can đảm cũng như trái tim nhân hậu của người cầm bút. Hơn nữa thể ki trôi qua, đọc lại *Rừng dậy men mùa*, vẫn còn thấy ấm nóng hồn dân tộc trong từng câu chữ giàu cá tính sáng tạo của Đông Trình. Trong bài *Hành ca cho một tương lai đã nhìn rõ mặt*, Đông Trình có viết: “Ta vỗ thơ mình như cánh chim,/ Như gió vô tình chờ nắng qua đêm./ Có tiếng hát nào không là sứ điệp?”. Đúng vậy, với *Rừng dậy men mùa*, thơ của ông như cánh chim trời bay qua giông bão của lịch sử, mang theo tiếng hát “muôn năm hè ta yêu Việt Nam” như một sứ điệp mãi mãi thiêng liêng. Và với tập thơ này, ông đã khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong dòng thơ ca yêu nước, chống chiến tranh trước 1975, về cả tư tưởng chủ đề lẫn sáng tạo trong thi pháp thơ ca.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dong Trinh (1972). *Rung day men mua* [*The forest is full of season*]. Danang: Opponent Publishing House.
- La Nguyen (2018). *Phe binh ki hieu hoc – Doc van nhu la hanh trinh tai thiet ngon ngu* [*Semiotic Criticism – Reading Literature as a Journey of Language Reconstruction*]. Hanoi: Vietnam Women's Publishing House.
- Le, B. H., Tran, D. S., & Nguyen, K. P. (2007). *Tu dien thuat ngu van hoc* [*Dictionary of Literary Terms*]. Hanoi: Writers' Association Publishing House.
- Nguyen, T. L. (1972). *Viet Nam thi nhan tien chien* [*Vietnamese poets before the war*]. Saigon: New Life Publishing House.
- Tran, D. S. (2004). *Tu su hoc (Tap 1)* [*Science of narrative (Episode 1)*]. Hanoi: Ha Noi University of Education Publishing House.
- Tran, H. A. (2019). *Dong Trinh – “Nguoi di giua thuc va mo”* [*Dong Trinh – “The one who walks between reality and dream”*]. <https://vanchuongphuongnam.vn/dong-trinh-nguoi-di-giua-thuc-va-mo.html>.
- Wellek, R. & Warren, A. (2009). *Li luan van hoc* [*Literary theory*] (translated by Nguyen Manh Cuong). Hanoi: Literary Publishing House.

WAR AND PEACE

IN THE FOREST IS FULL OF SEASON POETRY COLLECTION BY DONG TRINH

Nguyễn Thị Tinh Thy

Hue University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Tinh Thy – Email: nguyenthitinhthy@dhsphue.edu.vn

Received: July 12, 2022; Revised: August 03, 2022; Accepted: August 18, 2022

ABSTRACT

The forest is full of seasons (“Rừng đầy men mùa” in Vietnamese) poetry collection by poet Dong Trinh, published in 1972 by Opponent, is the voice of an intellectual always worried about the country. The poetry collection is the two halves of reality and fantasy, war and peace, full of obsession and emotion. Through strong, fierce, tender, and gentle poems, the interweaving of the war scene and the peaceful landscape shows the courageous spirit as well as the benevolent heart of the writer. War and peace are also expressions of the poetic talent of Dong Trinh poet, through impressive lyrical poetry with unique images and artistic techniques. This article examines the nuances of war and peace, the intellectual's attitude towards reality, and how these contents are expressed in Dong Trinh's poetry through chronological, structural-systemic, and interdisciplinary approaches. Thereby, this article affirms the 'poet's important position in the line of patriotic and anti-war poetry before 1975, in terms of both thematic ideas and poetic poetry.

Keywords: intellectual; peace; poetic; war